

Số: 07/KH-UBND

Lào Cai, ngày 10 tháng 01 năm 2023

KẾ HOẠCH

Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 26/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nông nghiệp hàng hóa tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ thực trạng phát triển cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp hiện nay trên địa bàn, UBND tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường tại các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung được cơ giới hóa. Tập trung phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp gắn với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

- Phát triển cơ giới hóa phải gắn với quá trình cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; gắn với chuỗi giá trị thông qua các mô hình liên kết tổ chức sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm quy mô lớn.

- Khuyến khích, thu hút các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân tham gia phát triển cơ giới hóa nông nghiệp (chế tạo máy; trang bị máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất).

- Tận dụng cơ hội từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để phát triển cơ giới hóa trong nông nghiệp theo hướng hiện đại, thông minh, hiệu quả và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

Cơ giới hóa nông nghiệp đối với từng lĩnh vực sản xuất:

+ Trồng trọt: Sản xuất cây trồng chính đạt trên 50% năm 2025, cơ giới hóa đồng bộ đạt trên 40% năm 2030.

+ Chăn nuôi: Sản xuất chăn nuôi gia súc, gia cầm đạt trên 70% năm 2025, cơ giới hóa đồng bộ đạt 50% năm 2030 ở các trang trại.

+ Thủy sản: Cơ giới hóa sản xuất nuôi trồng thủy sản đạt trên 50% năm 2025, đạt 70% năm 2030.

+ Lâm nghiệp: Các khâu làm đất, giống, trồng cây, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, phòng chống cháy rừng, khai thác vận chuyển gỗ và lâm sản đạt trên 25% năm 2025, đạt 40% năm 2030.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Cơ giới hóa các ngành sản xuất

1.1. Trồng trọt (Đối với các loại cây trồng chính, cây trồng chủ lực, vùng có điều kiện sản xuất, lao động thuận lợi):

- *Khâu làm đất*: Cơ bản được cơ giới hóa, chuyển dần sử dụng máy kéo 2 bánh sang máy kéo 4 bánh có năng suất, hiệu quả, mức độ cơ giới hóa làm đất bình quân đạt trên 70% năm 2025, đạt trên 80% năm 2030. Riêng cây lúa tỷ lệ cơ giới hóa đạt trên 85% năm 2025 và đạt trên 95% năm 2030.

- *Khâu gieo trồng*: Chuyển dần từ gieo trồng bằng công cụ thủ công sang sử dụng máy gieo hạt, máy cấy đưa mức độ cơ giới hóa khâu gieo trồng đạt 30% năm 2025. Tại các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đạt 40% năm 2030.

- *Khâu chăm sóc*: Đến năm 2030 ước đạt 70%. Sử dụng các loại máy phun thuốc bảo vệ thực vật có chất lượng bảo đảm theo quy chuẩn kỹ thuật đạt trên 85% năm 2025. Sử dụng máy kéo đa năng chăm sóc (vun, xới) đạt 60% năm 2025. Đưa công nghệ tưới tiết kiệm nước (tưới nhỏ giọt, tưới phun mưa) để áp dụng nhanh mô hình tưới nước cho một số cây trồng chính đạt 40% năm 2025.

- *Khâu thu hoạch*: Đến năm 2030 ước đạt 40%. Riêng cây lúa thực hiện thu hoạch lúa bằng máy đạt trên 40% vào năm 2025, đạt 60% năm 2030 chủ yếu sử dụng máy gặt đập liên hợp có tính năng kỹ thuật cao, mức độ gặt sót dưới 1,5%.

1.2. Chăn nuôi

- Áp dụng máy, thiết bị cho chăn nuôi nông hộ theo hình thức công nghiệp, có kỹ thuật và công nghệ phù hợp để hạn chế dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường vừa bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và tăng khả năng cạnh tranh của ngành chăn nuôi.

- Áp dụng cơ giới hóa trong các trang trại chăn nuôi tập trung:

+ Cơ giới hóa chế biến thức ăn thô (trâu, bò, lợn, gia cầm) đạt 90% năm 2025, đạt 100% năm 2030.

+ Cơ giới hóa chuồng trại: Hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động, làm mát, vệ sinh đạt 70% năm 2025, đạt trên 80% năm 2030.

+ Xử lý chất thải: Đạt 50% năm 2025, đạt trên 60% năm 2030. Chú trọng xử lý chất thải chăn nuôi thành các sản phẩm dưới dạng năng lượng (nhiệt-điện) và phân bón hữu cơ cho cây trồng.

1.3. Thủy sản

Nâng tỷ lệ cơ giới hóa trong lĩnh vực thủy sản ước đạt trên 70% năm 2030. Trong đó chế biến thức ăn (băm nghiền thô, ép cám viên) bằng máy đạt 80%; cung cấp thức ăn, sục khí ao, đầm nuôi đạt 70%; vệ sinh, xử lý chất thải trong nuôi trồng thủy sản đạt 60%.

1.4. Lâm nghiệp

Tại các vùng trồng rừng tập trung, quy mô lớn có sử dụng máy móc các khâu làm đất, trồng cây, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch đạt trên 30% năm 2025, đạt 50% năm 2030. Tăng tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa ở khâu chặt hạ, vận chuyển lên 95-100% năm 2030. Các vùng rừng sản xuất còn lại, tăng tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa khâu làm đất, trồng, chăm sóc, chữa cháy rừng và phát triển rừng đạt 20-30% năm 2030.

2. Cơ giới hóa vùng sản xuất

2.1. Vùng thấp

- Tập trung phát triển cơ giới hóa tại các vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn về lúa, khoai lang, lạc và rau, hoa các loại, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, tập trung theo tiêu chuẩn an toàn, sản xuất theo quy trình VietGAP, hướng hữu cơ, hữu cơ, nông nghiệp sạch, nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu, hình thành các khu nông nghiệp sinh thái và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Khu vực đô thị: Nghiên cứu phát triển các mô hình áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa tại các vườn nông nghiệp đô thị dạng thủy canh, hữu cơ dạng nhà lưới, nhà màng. Chú trọng phát triển nhóm sản phẩm rau an toàn, tiếp tục phát huy và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp như khu trồng rau và sản phẩm từ nông nghiệp công nghệ cao.

- Phát triển cơ giới hóa thủy sản tập trung ở khâu chăm sóc, chế biến thức ăn, đa dạng hình thức nuôi và đối tượng nuôi, tận dụng ao hồ, mặt nước để nuôi theo hình thức hộ gia đình, trang trại, ưu tiên các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao. Tập trung cơ giới hóa các khâu cung cấp, chế biến thức ăn, vệ sinh môi trường ao nuôi.

- Phát triển cơ giới hóa ngành chăn nuôi theo hướng chăn nuôi tập trung, trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp, xa khu dân cư, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và liên kết theo chuỗi, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Tập trung khâu chế biến thức ăn, vệ sinh chuồng trại, xử lý chất thải, tự động hóa trong một số khâu cung cấp thức ăn, nước uống, làm mát.

2.2. Vùng cao

- Chú trọng phát triển cơ giới hóa khâu trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng. Chú trọng trồng rừng gỗ lớn và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào trồng rừng nhằm tăng

năng suất, sản lượng và hiệu quả kinh tế của rừng trồng. Đẩy mạnh trồng rừng nguyên liệu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Tập trung phát triển cơ giới hóa cây công nghiệp, nhất là cây quế, cây chè, cây ăn quả, ngô nguyên liệu ở các khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch.

- Phát triển cơ giới hóa đối với nuôi trồng thủy sản nước lạnh (cá hồi, cá tầm). Tập trung đầu tư các loại máy thiết bị, công nghệ trong kiểm soát môi trường ao, lồng nuôi.

- Phát triển cơ giới hóa ngành chăn nuôi theo hướng chăn nuôi lợn bản địa (lợn đen), bò bản địa (bò H'Mông), các loại gia cầm địa phương. Tập trung ưu tiên cơ giới hóa khâu phối trộn, chế biến thức ăn.

3. Về đào tạo, tập huấn

- Chú trọng công tác đào tạo nghề cơ khí, vận hành máy móc, thiết bị trong sản xuất nông nghiệp cho nông dân, nhất là hình thức tập huấn ngắn hạn, tại chỗ thông qua công tác khuyến công, các lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong vận hành máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp. Thực hiện xã hội hóa đào tạo nghề cho nông dân, tổ chức hợp tác liên kết giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, gắn đào tạo với sử dụng lao động tại chỗ.

4. Xây dựng các mô hình trình diễn áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp

4.1. Lĩnh vực trồng trọt

- *Đối với sản xuất lúa:* Triển khai các mô hình điểm hỗ trợ máy làm đất đa năng, máy cấy lúa và máy gặt đập cho những diện tích tập trung, bằng phẳng.

- *Đối với sản xuất chè:* Triển khai các mô hình điểm hỗ trợ máy đốn chè, máy phun thuốc, máy hái chè, tưới nước phun mưa tự động.

- *Đối với sản xuất rau, dược liệu:* Triển khai các mô hình điểm hỗ trợ máy làm đất đa năng, hệ thống bảo quản rau quả, bảo quản và sấy dược liệu cho sản xuất dược liệu.

- *Đối với sản xuất chuối, dưa, cây ăn quả:* Triển khai các mô hình điểm về tưới tiết kiệm cho cây chuối/cây ăn quả ở những khu vực trồng tập trung, độ dốc nhỏ.

4.2. Lĩnh vực chăn nuôi:

Triển khai các mô hình điểm xây dựng hệ thống chuồng trại khép kín từ cung cấp nước, thức ăn tự động phục vụ chăn nuôi lợn, gà.

4.3. Lĩnh vực thủy sản:

Triển khai các mô hình điểm hỗ trợ guồng cánh quạt tạo ô xi ao nuôi cá và máy ép cám viên cho cá.

4.4. Lĩnh vực lâm nghiệp:

Triển khai các mô hình điểm hỗ trợ các loại máy khoan hố trồng cây, máy đóng bầu, máy khai thác gỗ, máy tời, máy vận xuất, vận chuyển.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Lồng ghép nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững, Phát triển Kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân

tộc thiểu số và miền núi, nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ và chính sách phát triển sản xuất nông lâm nghiệp của tỉnh Lào Cai.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp

- Rà soát, góp ý bổ sung hoàn thiện các cơ chế, chính sách về cơ điện nông nghiệp và nghiên cứu khoa học công nghệ trong cơ giới hóa nông nghiệp, khuyến khích các tổ chức, cá nhân có sáng chế máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

- Đẩy mạnh thực hiện tốt Nghị định số 57/2018/NĐ-TTg ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-TTg ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Thông qua các chính sách về phát triển hợp tác xã ưu tiên hỗ trợ hình thành và phát triển các tổ chức cung cấp dịch vụ cơ giới ở nông thôn, tăng tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa trong nông nghiệp.

- Thực hiện các chương trình chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về cơ điện nông nghiệp thông qua các mô hình khuyến nông.

- Đầu tư nguồn lực cho xây dựng các mô hình trình diễn về cơ giới hóa đồng bộ sản xuất nông nghiệp, mô hình nông nghiệp thông minh 4.0.

2. Công tác rà soát quy hoạch

- Rà soát quy hoạch sản xuất nông nghiệp, tổ chức lại vùng sản xuất tập trung theo định hướng của từng nhóm cây trồng, vật nuôi và theo lợi thế của từng vùng.

- Thực hiện dồn điền, đổi thửa tạo điều kiện tập trung, tích tụ đất đai xây dựng cánh đồng lớn để thuận lợi đưa máy móc cơ giới hóa.

- Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phù hợp với việc đưa máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất: quy hoạch, cải tạo, san phẳng đồng ruộng, kiên cố hóa hệ thống tưới, tiêu; giao thông nội đồng và giao thông nông thôn.

3. Tăng đầu tư thông tin tuyên truyền, khoa học và công nghệ phục vụ cho phát triển cơ giới hóa

- Đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ khoa học công nghệ phục vụ nghiên cứu cơ điện, máy nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản.

- Tuyên truyền sâu rộng đến người dân các cơ chế, chính sách của Trung ương, địa phương về phát triển cơ giới hóa. Đổi mới nội dung và cách thức chuyên giao tiến bộ kỹ thuật cho người nông dân, ưu tiên công tác chuyển giao những tiến

bộ kỹ thuật về cơ giới hóa; đào tạo, tập huấn thường, xuyên cho doanh nghiệp nhỏ tại nông thôn, các hợp tác xã và người nông dân về ứng dụng công nghệ mới trong cơ giới hóa và bảo quản, chế biến nông sản trong các chương trình khuyến nông.

- Thực hiện các đề tài khoa học công nghệ về cơ điện nông nghiệp; thực hiện công tác chuyển giao kết quả vào sản xuất, có mối liên kết giữa các cơ quan nghiên cứu với các doanh nghiệp ngay từ khâu đặt hàng nghiên cứu đến khi tiếp nhận kết quả của đề tài.

4. Phát triển tín dụng trong sản xuất nông nghiệp

Triển khai hiệu quả chính sách tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng phù hợp với các đối tượng khách hàng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch đã được phê duyệt.

- Xây dựng mô hình ứng dụng cơ giới hóa theo hướng hiện đại giúp nông dân thấy được hiệu quả của việc cơ giới hóa trong giảm chi phí lao động, giá thành và tăng chất lượng sản phẩm.

- Hỗ trợ công tác tập huấn, hướng dẫn xây dựng mô hình trình diễn tại các địa phương. Hỗ trợ và giới thiệu tổ (nhóm) kỹ thuật tiếp cận nông dân trong vùng.

2. Đề nghị các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp

2.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho UBND tỉnh bố trí lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các chính sách hỗ trợ, đầu tư phát triển cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp.

2.2. Sở Công Thương

Tham mưu cho UBND tỉnh hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực máy móc, nông cụ phục vụ sản xuất nông lâm thủy sản.

2.3. Sở Khoa học và Công nghệ

Nghiên cứu, chuyển giao các giải pháp ứng dụng, các tiến bộ khoa học công nghệ mới về cơ giới hóa nông nghiệp. Ưu tiên thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, chuyển giao kỹ thuật công nghệ ngành cơ khí nông nghiệp, hướng dẫn thực hiện các quy định về chất lượng sản phẩm.

2.4. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Lào Cai

Chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn thực hiện tốt các nội dung tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tiếp cận với nguồn vốn vay để đưa cơ giới hóa vào phát triển sản xuất.

2.5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Đẩy mạnh triển khai chính sách hỗ trợ tích tụ ruộng đất theo Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Rà soát quy hoạch sản xuất nông nghiệp, tổ chức triển khai dồn điền đổi thửa theo hướng tập trung chuyên canh, hình thành cánh đồng lớn nhằm tạo điều kiện cho nông dân, doanh nghiệp, các tổ chức sản xuất (nhất là các Hợp tác xã, Tổ hợp tác) áp dụng nhanh cơ giới hóa vào các khâu từ sản xuất - bảo quản - chế biến - vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm.

- Trên cơ sở Kế hoạch của tỉnh lồng ghép các chương trình dự án, cân đối ngân sách hàng năm bố trí nguồn vốn để tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan trong việc hướng dẫn, lựa chọn các loại máy móc, thiết bị có công nghệ tiên tiến phù hợp với xây dựng mô hình cánh đồng lớn và điều kiện canh tác trên địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Các cơ quan, địa phương căn cứ triển khai thực hiện. /

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch Đầu tư, Tài chính, Công thương, Khoa học Công nghệ;
- Ngân hàng Nhà nước CN tỉnh Lào Cai;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chi cục PTNT tỉnh;
- CVP, PCVP3;
- BBT Công TTĐT;
- Lưu: VT, TH2,3, NLN 1,2,3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh